BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : **Quản trị nhân lực**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Quản trị nhân lực (Human Resources Management)**
Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**
Khóa : **2021 - 2025**

(Ban hành theo quyết định số 2643 /QĐ-ĐHHS ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)

Phiên bản 01 - Áp dụng từ Học kỳ 01, năm học 2021 – 2025

1. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

1.1.Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực của Đại học Hoa Sen được thiết kế với định hướng lấy người học làm trung tâm, tăng cường sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động giáo dục, nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

1. Cung cấp các kiến thức cơ bản chung của khối ngành kinh doanh
2. Cung cấp các kiến thức chuyên sâu của ngành Quản trị Nhân lực như Luật lao động và bảo hiểm xã hội; Quản trị nhân sự chiến lược; Tuyển dụng và lựa chọn; Học tập và phát triển; Lương, thưởng và phúc lợi; Quản trị thành tích; và Quan hệ lao động để quản lý hiệu quả nguồn nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp.
3. Thảo luận về sự khác biệt trong môi trường đa văn hóa của lĩnh vực Quản trị Nhân lực và vận dụng được trong thực tiễn sau khi tốt nghiệp góp phần nâng cao trình độ và cập nhật các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên sâu.
4. Đào tạo được những công dân toàn cầu, có khả năng làm việc trong nước cũng như ở nước ngoài.

1.2.Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình Quản trị nhân lực (bậc Đại học), sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo bởi Hội đồng kiểm định các trường và Chương trình đào tạo về kinh doanh của Mỹ (tổ chức ACBSP) như sau:

❖ **Năng lực chuyên môn**

1. Vận dụng hiệu quả các quy định của Luật lao động và các luật liên quan khác.
2. Có khả năng xây dựng kế hoạch tuyển dụng hiệu quả (xác định nhu cầu nhân sự, thiết kế chương trình phỏng vấn, thực hiện bảng mô tả công việc cho từng vị trí công việc cụ thể, lập bảng câu hỏi phỏng vấn, bố trí chuyên gia phỏng vấn, đánh giá kết quả phỏng vấn, đề xuất quyết định lựa chọn nhân sự cho tổ chức, doanh nghiệp…).
3. Có khả năng xây dựng quy trình đánh giá thành tích và hiệu quả công tác, lập kế hoạch đào tạo, hệ thống động viên và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống các chức danh thể hiện cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, tham mưu xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp.
4. Có khả năng nhận dạng, thực hiện nghiên cứu phân tích, và đề xuất các giải pháp hợp lý đối với các vấn đề nảy sinh trong các tình huống quản trị nhân sự, văn hóa tổ chức, và quan hệ lao động.

5. Trình bày các vấn đề chuyên môn (nói và viết) một cách chuyên nghiệp: rõ ràng, súc tích, sử dụng dạng thức trình bày thích hợp.

❖ **Thái độ và đạo đức nghề nghiệp**

1. Tôn trọng pháp luật và điều hành doanh nghiệp trong khuôn khổ pháp luật.
2. Thể hiện trách nhiệm xã hội và môi trường thông qua việc tôn trọng các nguyên tắc đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh.
3. Năng động, cầu tiến, tự tin trong công việc, có tinh thần hợp tác quốc tế.

❖ **Khả năng hội nhập và học tập suốt đời**

1. Có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề.
2. Có kỹ năng lãnh đạo và làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm một cách hiệu quả và có trách nhiệm.
3. Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh tương đương trình độ B1.
4. Có kỹ năng tự học các kiến thức bổ trợ các chuyên ngành khác để phục vụ cho hướng công việc tương lai.
5. Nhận biết, phân tích, so sánh các môi trường làm việc và thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường trong Kinh doanh quốc tế, luôn cập nhật các thay đổi về kinh tế - chính trị - xã hội trong tiến trình hội nhập, toàn cầu hóa, khu vực hóa hiện nay và vận dụng được trong thực tiễn sau khi tốt nghiệp.

❖ **Cơ hội nghề nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận các công việc:

- Chuyên viên tuyển dụng, chuyên viên đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, chuyên viên lương bổng và phúc lợi, chuyên viên quản lý hành chính nhân sự tại các công ty trong nước và các tập đoàn đa quốc gia.
- Chuyên viên tư vấn các hoạt động nhân sự trong các tổ chức.
- Trợ lý giám đốc nhân sự.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (*không bao gồm kiến thức Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết)*

Đầu khóa học sinh viên được xếp lớp:

a. **<u>Trình độ ngoại ngữ:</u>**

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn anh văn (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ anh văn dự bị trở lên và học theo quy định học ngoại ngữ tại trường.

b. **<u>Trình độ tin học:</u>**

Kiến thức Tin học đại cương là yêu cầu đầu vào vì là điều kiện tiên quyết của một số môn trong Chương trình đào tạo (bậc Đại học) nên vào học kỳ 1 sinh viên sẽ được xếp học môn Tin học dự bị (không có tín chỉ). Sinh viên có thể đăng ký kiểm tra trình độ tin học và nếu điểm kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên sẽ được miễn môn Tin học dự bị.

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH ngày 5 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên và không có môn học không đạt (điểm D+, D, D-, F).
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.1 đến 7.1.3 có điểm TKMH $\geq$ 4.0 (hệ 10)
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.4 đến 7.2.4 có điểm TKMH $\geq$ 5.0 (hệ 10)
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng –An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.

– Và một số quy định khác theo quy chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen, ký ngày ngày 5 tháng 11 năm 2013.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Hoa Sen.

6. Thang điểm

STT	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích luỹ)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,7
3		7,5 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,4	B	3,0
5		6,0 – 6,9	B-	2,7
6		5,5 – 5,9	C+	2,3
7		5,0 – 5,4	C	2,0
8	(Đạt có điều kiện)	4,0 – 4,9	C-	1,7
9	Không đạt	3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

7. Nội dung Chương trình.

7.1.Kiến thức giáo dục đại cương

7.1.1. Lý luận Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng				**165**	**11**	

7.1.2. Khoa học xã hội

– Bắt buộc (3 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	45	3	
Cộng				**45**	**3**	

– Tự chọn (6 tín chỉ): chọn 2 môn

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC115DV01	Phương pháp học đại học	Study Skills in College and University	45	3	
2	DC122DV01	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Vietnamese Writing Skills	45	3	

3	DC202DV01	Tư duy phản biện	Critical Thinking	45	3	
4	DC203DV01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	Introduction to Research Methods	45	3	
5	DC132DV01	Kỹ năng truyền thông	Communication skills	45	3	
6	DC205DV02	Truyền thông đại chúng và xã hội	Mass Communication and Society	45	3	
7	DC208DV02	Giao tiếp liên văn hóa	Intercultural Communication	45	3	
8	PSY107DV01	Tâm lý học – Khái niệm và ứng dụng	Psychology- Concepts and Applications	45	3	
9	DC145DV01	Công tác xã hội nhập môn	Introduction to Social Work	45	3	
Cộng				**90**	**6**	

7.1.3. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	45	3	
Cộng				**45**	**3**	

7.1.4. Ngoại ngữ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC4	105	5	
2	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC5	105	5	
3	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	105	5	
Cộng				**315**	**15**	

7.1.5. Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ

7.1.6. Giáo dục quốc phòng – An ninh: 165 tiết, cấp chứng chỉ GDQP – An ninh

7.1.7. Thực tập nhận thức tại doanh nghiệp: 7 tuần, 3 tín chỉ

7.2.Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	QT115DV01	Luật và đạo đức trong kinh doanh	Business Law and Ethics	45	3	
2	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	Introduction to Management Information Systems	45	3	
3	NT103DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	Introduction to International business	45	3	
4	QT101DV01/ QT101DE01	Kinh tế vi mô	Microeconomics	45	3	(#)
5	QT102DV01/ QT102DE01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	45	3	(#)
6	MK203DV01/ MK203DE01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	45	3	(#)
7	QT106DV02/ QT106DE02	Quản trị học	Introduction to Management	45	3	(#)
8	KHTQ113DV01	Thống kê kinh doanh	Business Statistics	45	3	

9	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	45	3	
10	TC202DV01/ TC202DE01	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	45	3	(#)
11	NS207DV02/ NS207DE02/	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	45	3	(#)
12	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative Methods in Business	45	3	
13	QT312DV01	ERP trong kinh doanh	Applied ERP in Business	45	3	
Cộng				**585**	**39**	

7.2.2. Kiến thức ngành chính

– Bắt buộc:

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	QT218DV01 / QT218DE01	Hành vi tổ chức	Organizational Behaviour	45	3	(#)
2	NS208DV02	Luật lao động và bảo hiểm xã hội	Social Insurance and Labor Law	45	3	
3	NS302DV01/ NS302DE01	Lương, thưởng và phúc lợi	Remuneration, Rewards and Benefits	45	3	(#)
4	NS306DV02/ NS306DE02	Quan hệ lao động	Labor Relations	45	3	(#)
5	NS310DV01 / NS310DE01	Tuyển dụng và lựa chọn	Recruitment and Selection	45	3	(#)
6	NS311DV01 / NS311DE01	Đào tạo và phát triển	Learning and Development	45	3	(#)
7	NS305DV02/ NS305DE02	Quản trị thành tích	Performance Management	45	3	(#)
8	NS404DV02/ NS404DE02	Quản trị nhân sự chiến lược	Strategic Human Resource Management	45	3	(#)
Cộng				**360**	**24**	

– Tự chọn bắt buộc (15 tín chỉ): chọn 5 môn

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	QT311DV01/ QT311DE01	Nghệ thuật lãnh đạo	Leadership	45	3	(#)
2	NS308DE02/ NS308DV02	Kinh tế nguồn lao động	Labor Economics	45	3	(#)
3	NS309DV01	Hệ Thống Thông Tin Nguồn Nhân Lực	Human Resource Information System (HRIS)	45	3	
4	QT212DE01 / QT212DV01	Quản trị sự thay đổi	Change Management	45	3	(#)
5	NS307DV01	Tâm lý học nhân sự	Personnel Psychology	45	3	
6	NS209DV01	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	45	3	
Cộng				**225**	**15**	

– Đề án (2 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú

1	NS204DV01	Đề án phân tích quy trình quản trị nhân sự	Human Resource Management Process Analysis Project	0	2	
Cộng				**0**	**2**	

7.2.3. Tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Khoa sẽ căn cứ *Quy định hướng dẫn về làm Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp* xét duyệt từng sinh viên để xác định việc học 1 trong 2 hình thức:

- Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)
- Thực tập tốt nghiệp (9 tín chỉ)

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học môn thay thế tốt nghiệp.

Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn học thêm.

8. Kế Các phụ lục đính kèm:

- Kế hoạch học tập: Các kế hoạch học tập đúng hạn (4 năm)
- Bảng đối chiếu Chuẩn đầu ra của CTĐT và môn học.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

9.1. Trong Chương trình đào tạo có các môn dạy bằng tiếng Anh (mã DE) có ghi chú (#), sinh viên có thể lựa chọn học bằng tiếng Anh (mã DE) hoặc tiếng Việt (mã DV) **nhưng tối thiểu phải học 6 môn bằng tiếng Anh (mã DE) trong những môn học này (bao gồm cả các môn trong Minor nếu sinh viên chọn học).**

9.2. Môn học được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

9.3. Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 36
SV năm II	37 - 76
SV năm III	77 - 116
SV năm IV	Từ 117 trở lên

Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

Ngày ..... tháng ..... năm .....
Trưởng/Phó Khoa KT&QT

TS. Trần Nam Quốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2020
Điều phối chương trình

ThS. Nguyễn Thùy Giang

Ngày 29 tháng 12 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (4 NĂM)

(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 1)

Ngành: **QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**
Bậc: **ĐẠI HỌC**
Khóa: **2021-2025**

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực được ban hành theo quyết định số 2643 /QĐ-ĐHHS của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen, ký ngày 29/12/2020)

HỌC KỲ 1

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV012DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 1	EIC 1	0	158		
2	AV013DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 2	EIC 2	0	158	AV012DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 1	
3	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	45		
4	Môn tự chọn KHXH 1			3	45		
5	QT106DV02/ QT106DE02	Quản trị học	Introduction to Management	3	45	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
6	TINV002DV01	Tin học dự bị		0	45		
		Tổng cộng		**9**	**496**		

HỌC KỲ TẾT

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC004DV02	Giáo dục quốc phòng		0	165		
		Tổng cộng		**0**	**165**		

Ghi chú: Tùy trình độ tiếng Anh đầu vào và tình hình thực tế của nhà trường, môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được sắp xếp linh hoạt so với kế hoạch này.

HỌC KỲ 2

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV015DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	EIC 3	0	105	AV013DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 2	
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	5	105	AV116DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3	
3	Môn tự chọn KHXH 2			3	45		
4	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	30		
5	GLAW1011DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	3	45		
6	QT115DV01	Luật và đạo đức trong kinh doanh	Business Law and Ethics	3	45		
		Tổng cộng		**16**	**375**		

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước

1	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	5	105	AV117DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 4
Tổng cộng				5	105	

HỌC KỲ 3

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	5	105	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	
2	NS207DV02/ NS207DE02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	3	45	QT106DV02_Quản trị học AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
3	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	DC141DV01_Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
4	QT101DV01/ QT101DE01	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	45	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
5	MK203DV01/ MK203DE01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	3	45	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
6	Giáo dục thể chất 1			1	45		
Cộng				17	315		

HỌC KỲ 4

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	DC142DV01_Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	3	45		
3	NS310DV01/ NS310DE01	Tuyển dụng và lựa chọn	Recruitment and selection	3	45	NS207DV02_Quản Trị Nhân Sự AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
4	QT102DV01/ QT102DE01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
5	QT218DV01/ QT218DE01	Hành vi tổ chức	Organizational Behaviour	3	45	QT106DV01_Quản trị học AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
6	QT312DV01	ERP trong kinh doanh	Applied ERP in Business	3	45		
7	Giáo dục thể chất 2			1	45		
Tổng cộng				18	300		

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	NS250DV02	Thực tập nhận thức	Work Experience Internship	3	7 tuần	-	
Tổng cộng				3			

HỌC KỲ 5

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú

1	NT103DV01	Nhập môn kinh doanh quốc tế	Introduction to International Business	3	45	-	
2	KHTQ113DV01	Thống kê kinh doanh	Business Statistics	3	45		
3	NS204DV01	Đề án phân tích quy trình quản trị nhân sự	Human Resource Management Process Analysis Project	2	0	NS207DV02_Quản Trị Nhân Sự	
4	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	2	30	DC143DV01_Tư tưởng Hồ Chí Minh	
5	***Chọn 1 trong các môn Tự chọn bắt buộc sau:***						
	QT311DV01/ QT311DE01	*Nghệ thuật lãnh đạo*	*Leadership*	*3*	*45*	*AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*	*(#)*
	NS308DE02/ NS308DV02	*Kinh tế nguồn lao động*	*Labor Economics*	*3*	*45*	*QT101DV01_Kinh tế vi mô KHTQ113DV01_Thống kê kinh doanh AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*	*(#)*
	QT212DV01/ QT212DE01	*Quản trị sự thay đổi*	*Change Management*	*3*	*45*	*QT106DV02_Quản trị học AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*	*(#)*
6	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	3	45	*TINV002DV01_Tin học dự bị*	
7	Giáo dục thể chất 3			1	45		
8	*Chọn 1 môn trong các môn sau:*						
	NS309DV01	*Hệ Thống Thông Tin Nguồn Nhân Lực*	*Human Resource Information System (HRIS)*	*3*	*45*	*NS207DV02_Quản Trị Nhân Sự*	
	NS307DV01	*Tâm lý học nhân sự*	*Personnel Psychology*	*3*	*45*	*QT106DV02_Quản trị học*	
	NS209DV01	*Văn hóa doanh nghiệp*	*Corporate Culture*	*3*	*45*	-	
Tổng cộng				**20**	**300**		

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 6

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	Introduction to Management Information Systems	3	45	-	
2	NS311DV01/ NS311DE01	Đào tạo và phát triển	Learning and Development	3	45	NS207DV02_Quản Trị Nhân Sự AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
3	NS208DV02	Luật lao động và bảo hiểm xã hội	Social Insurance and Labor Law	3	45	KHTQ101DV01_Pháp luật đại cương	
4	TC202DV01/ TC202DE01	Tài chính doanh nghiệp	Corporate finance	3	45	QT101DV01_Kinh tế vi mô AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)

5	NS302DV01/ NS302DE01	Lương, thường và phúc lợi	Remuneration, Rewards and Benefits	3	45	NS207DV02_Quản Trị Nhân Sự AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
6	*Chọn 1 môn trong các môn sau:*						
	QT311DV01/ QT311DE01	*Nghệ thuật lãnh đạo*	*Leadership*	*3*	*45*	*AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*	(#)
	NS308DE02/ NS308DV02	*Kinh tế nguồn lao động*	*Labor Economics*	*3*	*45*	*QT101DV01_Kinh tế vi mô* *KHTQ113DV01_Thống kê kinh doanh* *AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*	(#)
	NS309DV01	*Hệ Thống Thông Tin Nguồn Nhân Lực*	*Human Resource Information System (HRIS)*	*3*	*45*	*NS207DV02_Quản Trị Nhân Sự*	
Tổng cộng				**18**	**360**		

HỌC KỲ HÈ ***:SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè***

HỌC KỲ 7

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	NS305DE02 / NS305DV02	Quản trị Thành tích	Performance Management	3	45	NS207DV02_Quản Trị Nhân Sự AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
2	NS404DV02/ NS404DE02	Quản trị nhân sự chiến lược	Strategic Human Resource Management	3	45	NS207DV02_Quản Trị Nhân Sự AV211DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 6	(#)
3	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative Methods in Business	3	45	-	
4	NS306DE02 / NS306DV02	Quan hệ lao động	Labor Relations	3	45	QT106DV02_Quản trị học AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5	(#)
5,6	*Chọn 2 môn trong các môn sau:*						
	QT311DV01/ QT311DE01	*Nghệ thuật lãnh đạo*	*Leadership*	*3*	*45*	*AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*	*(#)*
	NS308DE01/ NS308DV01	*Kinh tế học lao động*	*Labor Economics*	*3*	*45*	*QT101DV01_Kinh tế vi mô* *KHTQ113DV01_Thống kê kinh doanh* *AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*	*(#)*
	NS309DV01	*Hệ Thống Thông Tin Nguồn Nhân Lực*	*Human Resource Information System (HRIS)*	*3*	*45*	*NS207DV02_Quản Trị Nhân Sự*	

	QT212DE01/ QT212DV01	*Quản trị sự thay đổi*	*Change Management*	*3*	*45*	*QT106DV02_Quản trị học AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*	*(#)*
	NS307DV01	*Tâm lý học nhân sự*	*Personnel Psychology*	*3*	*45*	*QT106DV02_Quản trị học*	
	NS209DV01	*Văn hóa doanh nghiệp*	*Corporate Culture*	*3*	*45*	-	
Tổng cộng				**18**	**270**		

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 8

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
	Chọn 1 trong 2 hình thức:						
1	NS450DV01	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	9	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
2	NS451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper	9	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
Tổng cộng				**9**	**0**		

HỌC KỲ HÈ: Hết lộ trình mẫu - SV có thể trả nợ hoặc nghỉ hè

Lưu ý:

1/ Trong Chương trình đào tạo có các môn dạy bằng tiếng Anh (mã DE) có ghi chú (#), sinh viên có thể lựa chọn học bằng tiếng Anh (mã DE) hoặc tiếng Việt (mã DV) nhưng tối thiểu phải học 6 môn bằng tiếng Anh (mã DE) trong những môn học này (bao gồm cả các môn trong Minor nếu sinh viên chọn học).

2/ Đối với các Kế hoạch học tập dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 2, EIC 3, EIC 4, EIC 5, EIC 6, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo bảng bên dưới (các môn học khác được sắp xếp tương tự như Kế hoạch này):

Stt	Trình độ anh văn đầu vào	Năm 1		
		Học kỳ 1 và học kỳ Tết	Học kỳ 2	Học kỳ hè
1	EIC 2	EIC 2 + EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
2	EIC 3	EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
3	EIC 4	EIC 4	EIC 5	EIC 6
4	EIC 5	EIC 5	EIC 6	
5	EIC 6	không học tiếng Anh	EIC 6	

3/ Các môn học Giáo dục thể chất sẽ được sắp xếp tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

- Tổng số tín chỉ tích l **130**
- Số tín chỉ GDTC: **3**

Ngày 30 tháng 11 năm 2020

Điều phối chương trình

Nguyễn Thuỳ Giang